SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
Thời gian ký: 14/02/2022 16:57:04 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 369 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 14 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giao Trưởng Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- BLĐVP;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số : 369 /QĐ-UBND ngày 14 /02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Chương trình) nhằm đạt được các mục tiêu của Chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Xác định nội dung, công việc, tiến độ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình nhằm đảm bảo tính liên tục, liên kết giữa các nhiệm vụ, các hoạt động của Chương trình.

- Các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào DTTS; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS so với bình quân chung của tỉnh; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT - XH đồng bộ; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng lên trên 80 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm từ 3 - 4%/năm. Đến năm 2025 tỉnh cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK).

- 100% xã có đường ôtô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 90% ấp có đường ôtô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99,5% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 99% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã và ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS.

- Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho đồng bào. Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS ở vùng ĐBKK và khu vực nguy cơ cao về thiên tai, góp phần hoàn thành việc bố trí, sắp xếp ổn định cho các hộ ở vùng ĐBKK, dân di cư tự do.

- Tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học 100%, trung học cơ sở 99%, trung học phổ thông trên 95%; người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết thành thạo tiếng phổ thông trên 95%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS; 98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 95% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi thể nhẹ cân xuống dưới 5%, thể thấp còi dưới 8%.

- 80% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS; phấn đấu đạt trên 85% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% ấp có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% ấp có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

2.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa tối thiểu 205,89 km đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân; xây dựng 03 công trình nước sinh hoạt tập trung; xây dựng, cải tạo nâng cấp 18 chợ (xây mới 03

chợ, cải tạo 15 chợ); xây mới, cải tạo, sửa chữa 13 trạm y tế xã (xây mới 01 trạm, cải tạo 12 trạm); xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học cho 08 trường Phổ thông Dân tộc nội trú.

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ DTTS, trong đó: Hỗ trợ đất ở cho hơn 95 hộ; nhà ở cho hơn 1.030 hộ; đất sản xuất cho hơn 05 hộ; chuyển đổi nghề cho hơn 571 hộ; nước sinh hoạt phân tán cho hơn 252 hộ; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư cho hơn 91 hộ dân vùng đồng bào DTTS.

- Hỗ trợ 01 dự án trồng cây dược liệu quý; hỗ trợ xây dựng hơn 12 mô hình khởi nghiệp; đào tạo nghề cho hơn 6.575 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho hơn 60% hộ đồng bào DTTS và hộ nghèo dân tộc Kinh, cận nghèo ở xã, ấp ĐBKK.

- Tối thiểu 95% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Tổ chức khoảng 08 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; bảo tồn 02 lễ hội truyền thống tại các địa phương; khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch; hỗ trợ 04 chương trình để nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một; xây dựng 04 mô hình văn hóa truyền thống các DTTS; 06 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các ấp vùng đồng bào DTTS; 04 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS; 01 mô hình bảo tàng sinh thái trong cộng đồng dân tộc Khmer phát triển du lịch cộng đồng; hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại 59 xã vùng đồng bào DTTS.

- Thành lập và duy trì bền vững khoảng 258 tổ truyền thông cộng đồng theo các mô hình truyền thông sáng tạo, sự tham gia chủ động của nam giới và người có uy tín; nâng chất khoảng 23 mô hình, thành lập mới khoảng 12 mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình; hỗ trợ thành lập khoảng 115 câu lạc bộ "thủ lĩnh của sự thay đổi"; duy trì và triển khai khoảng 40 mô hình tại xã có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

- Hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị ở cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho hơn 433 người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình: Trên địa bàn các xã, ấp vùng đồng bào DTTS; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn xã, ấp ĐBKK, xã an toàn khu (ATK) thuộc vùng đồng bào DTTS.

2. Đối tượng của Chương trình: Xã, ấp vùng đồng bào DTTS; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, ấp ĐBKK; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, ấp ĐBKK.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Mục tiêu: Phấn đấu hỗ trợ đạt 100% đối tượng hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã, ấp ĐBKK, bao gồm: Hộ chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, dột nát được hỗ trợ đất ở, nhà ở; hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương có nhu cầu được hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề; hộ chưa sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành được hỗ trợ nước sinh hoạt phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của người DTTS và địa bàn sinh sống.

- Đối tượng: Hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

- Nội dung:

+ Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho các đối tượng nêu trên phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể: Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng; ở các địa phương không có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương bố trí kinh phí hỗ trợ cho người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép.

+ Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà theo phong tục tập quán của địa phương, định mức tính theo xây dựng 01 căn nhà cấp 4 đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng).

+ Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: Hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên theo định mức của địa phương thì được hưởng một trong hai chính sách sau:

. Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hộ không có đất sản xuất nếu có nhu cầu thì được chính quyền địa phương trực tiếp giao đất sản xuất.

. Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì hộ không có đất hoặc thiếu đất sản xuất được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

+ Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt

. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Ưu tiên hỗ trợ để mua sắm trang bị hoặc xây dựng bể chứa nước phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình.

. Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng công trình nước tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho người dân vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn, vùng ĐBKK chưa có nguồn nước hoặc thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

* Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Dự án này có nhu cầu vay vốn được vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để có đất ở, xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, học nghề và chuyển đổi nghề.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01, 03.

+ Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 04.

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh và cơ quan chủ trì các nội dung số 02, 04 của Chương trình.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 1: 163.066 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 60.578,50 triệu đồng (vốn đầu tư: 9.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 51.578,50 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 4.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn vay tín dụng chính sách: 85.612,50 triệu đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 12.375 triệu đồng.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Mục tiêu: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

- Đối tượng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ gia đình, cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, ấp ĐBKK; hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn ĐBKK, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư; xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư.

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng đất ở tại điểm tái định cư; đầu tư xây dựng đường giao thông (nội vùng dự án và đường nối điểm dân cư mới đến tuyến giao thông gần nhất); công trình thủy lợi nhỏ, điện, nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác.

+ Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình: Hỗ trợ nhà ở, đất sản xuất (đối với trường hợp phải thay đổi chỗ ở); hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; thực hiện các chính sách hỗ trợ hiện hành khác đối với các hộ được bố trí ổn định như người dân tại chỗ.

+ Hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân khi thu hồi đất); xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, các công trình thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác.

- Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 2: 45.965 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 38.965 triệu đồng (vốn đầu tư).

+ Ngân sách địa phương: 7.000 triệu đồng (vốn đầu tư).

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (Tỉnh không thực hiện).

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS

3.2.1. Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Mục tiêu: Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng địa phương; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS.

- Đối tượng: Hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã, ấp ĐBKK; các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

- Địa bàn: Các xã, ấp thuộc vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung: Ưu tiên tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường, trong đó:

+ Với các địa phương có thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn để hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện, tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

. Tư vấn xây dựng liên kết, chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

. Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật.

. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

. Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ; xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm; các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

. Đối với những địa phương đã bước đầu hình thành sản xuất theo chuỗi giá trị, tập trung hỗ trợ để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có.

+ Với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, trong đó tập trung hỗ trợ một số nội dung chủ yếu sau:

. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất.

. Hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Hỗ trợ thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

. Hỗ trợ các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

+ Các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01.

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện nội dung số 01 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 01 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh và cơ quan chủ trì nội dung số 01 của Chương trình (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

+ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách theo quy định hiện hành.

3.2.2. Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

- Mục tiêu: Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gien dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng, cây phân tán bền vững.

- Đối tượng: Các dự án phát triển dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn ĐBKK vùng đồng bào DTTS, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người DTTS (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người DTTS, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng; ấp, xã thuộc huyện Trà Cú.

- Nội dung:

+ Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đất để triển khai dự án.

+ Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu.

+ Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ.

+ Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh.

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển

công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

+ Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

+ Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm.

+ Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm.

+ Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người DTTS.

+ Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS.

- Phân công thực hiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức thực hiện nội dung số 02; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung số 02 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách đối với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3.2.3. Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã ĐBKK vùng đồng bào DTTS; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào DTTS dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các DTTS.

- Đối tượng: Doanh nghiệp, HTX đang hoạt động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS có kế hoạch mở rộng kinh doanh, sản xuất; doanh nghiệp, HTX mới thành lập có các hoạt động và sử dụng lao động trên địa bàn các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; các trường đại học có đông sinh viên DTTS theo học và có các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh tại các xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại các xã, ấp vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào DTTS.

+ Hỗ trợ xây dựng, vận hành các dự án "Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS" tại các trường tham gia dự án.

+ Định kỳ hàng năm tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện nội dung số 03; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 03 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

+ Sở Công Thương thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 412.125 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 121.683 triệu đồng (vốn đầu tư: 28.350 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 93.333 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 13.792 triệu đồng (vốn đầu tư: 9.720 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 4.072 triệu đồng).

+ Vốn vay tín dụng chính sách: 184.050 triệu đồng.

+ Vốn huy động khác: 92.600 triệu đồng.

3.3. Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Xây dựng các mô hình gắn kết quân dân, mô hình giảm nghèo bền vững gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận phòng thủ và thế trận bảo đảm hậu cần tại các địa bàn chiến lược.

- Đối tượng: Hộ gia đình người DTTS; hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo người Kinh; các cơ sở sản xuất; cơ sở chế biến tiêu thụ sản phẩm; doanh nghiệp sử dụng lao động là người DTTS; các tổ chức, đoàn thể, cán bộ chuyên môn tham gia Dự án.

- Phạm vi: Các xã khu vực vùng sâu thuộc vùng đồng bào DTTS, địa bàn chiến lược về quốc phòng an ninh.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi: Hỗ trợ phát triển chăn nuôi; chế biến thức ăn chăn nuôi tại chỗ; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan.

+ Hỗ trợ các dự án, mô hình trồng trọt (phát triển cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng của từng địa phương): Hỗ trợ phát triển trồng trọt; tập huấn, tư vấn kỹ thuật gắn với nhiệm vụ xây dựng thế trận quốc phòng an ninh và các hoạt động khác có liên quan.

+ Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường: Hỗ trợ các em trong độ tuổi đi học (từ lớp 1 đến lớp 12) là con của người có uy tín trong đồng bào các DTTS được các đơn vị Quân đội nhận nuôi và hỗ trợ, giúp đỡ (nếu có).

- Phân công thực hiện: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 12.831,10 triệu đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương).

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

4.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, ấp ĐBKK; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 90% ấp có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99,5% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

- Phạm vi: Các xã, ấp vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung:

(1) Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS; ưu tiên đối với các xã, ấp ĐBKK.

+ Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ấp; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn.

+ Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã).

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã ĐBKK trên cùng địa bàn (hệ thống hạ tầng phục vụ giáo dục, y tế; hệ thống cầu, đường giao thông; hạ tầng lưới điện...); xây dựng cầu dân sinh để phục vụ sinh hoạt, tăng cường kết nối, tạo trục động lực phát triển đồng bộ trên cơ sở thúc đẩy liên kết giữa các xã ĐBKK nhằm phát huy sức mạnh tiểu vùng giúp phát triển bền vững và góp phần xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào DTTS.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn ĐBKK và công trình cơ sở hạ tầng các xã, ấp đã đầu tư từ giai đoạn trước.

(2) Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01; chủ trì, phối hợp với các Sở: Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế chỉ đạo các địa phương rà soát danh mục đầu tư bảo đảm không trùng lặp về nội dung, nguồn vốn trên cùng một địa bàn.

+ Sở Công Thương phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung số 01, 02 của Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh, Sở Công Thương.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 533.324 triệu đồng từ ngân sách Trung ương, trong đó: Vốn đầu tư 511.424 triệu đồng; vốn sự nghiệp 21.900 triệu đồng).

4.2. Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc (Ủy ban Dân tộc trực tiếp thực hiện tỉnh Trà Vinh không thuộc đối tượng tham gia Tiểu dự án).

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT); đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm

cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh nội trú (HSNT). Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường PTDTNT. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xoá mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

- Đối tượng:

+ Hệ thống các trường PTDTNT và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường PTDTNT ở vùng DTTS, vùng có điều kiện KT - XH ĐBKK, các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn, xuống cấp;

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (Bộ đội biên phòng, trụ trì, sư sãi tại các chùa, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào DTTS. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng có điều kiện KT - XH ĐBKK.

- Nội dung:

+ Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường PTDTNT:

. Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên.

. Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất/khối phòng/công trình phục vụ học tập; bổ sung, nâng cấp các công trình phụ trợ khác.

. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh DTTS.

. Ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có hoặc phải đi thuê địa điểm để tổ chức hoạt động.

+ Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

.Triển khai tài liệu phục vụ hướng dẫn xóa mù chữ theo hướng dẫn Bộ Giáo dục và Đào tạo.

. Hỗ trợ người dân tham gia xóa mù chữ.

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 1 theo định kỳ, đột xuất về cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 1: 52.102 triệu đồng từ ngân sách Trung ương, trong đó: Vốn đầu tư: 50.702 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 1.400 triệu đồng.

5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu:

+ Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào DTTS.

+ Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

- Đối tượng:

+ Bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng DTTS: Cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc ở các Sở, Ban, ngành tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng DTTS; dạy tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3, 4 tiếp xúc trực tiếp, làm việc với đồng bào DTTS;

+ Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức học tập và công tác trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và trong các cơ quan công tác dân tộc được hỗ trợ trong đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; ưu tiên người DTTS thuộc hộ DTTS nghèo ở các xã ĐBKK, người DTTS có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ DTTS.

- Nội dung:

(1) Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

+ Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

+ Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

(2) Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

+ Đối với bồi dưỡng hệ dự bị đại học: Hỗ trợ cho trường đại học tổ chức bồi dưỡng hệ dự bị đại học cho học sinh vùng đồng bào DTTS đảm bảo quy mô tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người DTTS) thuộc DTTS có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Đối với đào tạo đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS với quy mô đào tạo đạt tối thiểu 200 sinh viên/1 vạn dân (người DTTS) thuộc các DTTS có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Đối với đào tạo sau đại học: Hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ sau đại học các chuyên ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng DTTS, đạt tỷ lệ khoảng 0,7% cán bộ có trình độ sau đại học thuộc các DTTS có chất lượng nguồn nhân lực thấp theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Phân công thực hiện: Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Trà Vinh, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 2; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương 38.000 triệu đồng.

5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS

- Mục tiêu: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Đối tượng: Người lao động là người DTTS, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào DTTS; các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người DTTS và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào DTTS đi làm việc ở nước ngoài.

- Nội dung:

+ Xây dựng các mô hình dào tạo nghề, giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

+ Hỗ trợ đào tạo nghề.

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS.

+ Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào DTTS: Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng các bộ tiêu chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo.

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá; áp dụng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và triển khai phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phân công thực hiện: Sở Lao dộng - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 3 theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 26.300 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 18.410 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 7.890 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Mục tiêu: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiểu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và ấp.

- Đối tượng:

+ Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại ấp, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người DTTS và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực.

+ Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, Ban, ngành tỉnh chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy

tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương.

+ Thực hiện nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn: Ưu tiên các xã còn yếu về năng lực làm chủ đầu tư, về thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những dự án, công trình cụ thể; tập trung vào các nội dung còn thiếu, còn yếu của cán bộ cơ sở, đại diện cộng đồng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các bên liên quan (ngoài các cơ quan tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện Chương trình) để có sự phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 4; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 4 theo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 4: 8.910 triệu đồng (vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương).

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào DTTS để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Đối tượng: Các huyện, thành phố có xã, ấp thuộc vùng đồng bào DTTS; bản sắc văn hóa, di sản của các DTTS; đồng bào các DTTS; nghệ nhân người DTTS; cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào DTTS; lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung:

+ Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS.

+ Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

+ Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

+ Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

+ Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết và các giá trị văn hóa khác).

+ Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các DTTS, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các DTTS; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các DTTS; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các DTTS có di sản tương đồng).

+ Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các ấp, khóm vùng đồng bào DTTS, vùng di dân tái định cư.

+ Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống.

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.

+ Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS để cấp phát cho cộng đồng các DTTS.

+ Tổ chức Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS.

+ Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS.

+ Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào DTTS kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS.

+ Hỗ trợ đầu tư bảo tồn ấp, khóm văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS.

+ Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS.

+ Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS.

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các ấp, khóm vùng đồng bào DTTS.

+ Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

- Phân công thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Trà Vinh, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 6: 86.180 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 41.989 triệu đồng (vốn đầu tư 29.700 triệu đồng; vốn sự nghiệp 12.289 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 31.997 triệu đồng (vốn đầu tư 20.306 triệu đồng; vốn sự nghiệp 11.691 triệu đồng).

+ Vốn tín dụng 1.660 triệu đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác 10.534 triệu đồng.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Mục tiêu: Cải thiện sức khoẻ của người DTTS về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS.

- Đối tượng: Người dân tại vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi; trung tâm y tế huyện; cán bộ y tế, dân số; nhân viên Trung tâm y tế huyện; nhân viên trạm y tế xã, viên chức dân số xã; nhân viên y tế ấp, khóm, cộng tác viên dân số; cô đỡ ấp, khóm.

- Nội dung:

+ Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS:

. Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện.

. Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn.

. Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã.

. Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

. Hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ ấp, khóm.

. Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

+ Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS:

. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS.

. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh.

. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào DTTS tại vùng đồng bào DTTS.

. Nâng cao năng lực quản lý dân số.

. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào DTTS.

+ Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS:

. Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS.

. Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em.

. Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em.

- Phân công thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Dự án; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 7: 18.026 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 14.809 triệu đồng (vốn đầu tư 8.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp 6.809 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 3.217 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới (BĐG) và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu BĐG.

- Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và ấp ĐBKK, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người DTTS trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

- Nội dung:

+ Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em:

. Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng.

. Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

. Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em.

. Triển khai gói hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khoẻ trẻ em.

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy BĐG và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em:

. Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới.

. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS.

. Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình.

. Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người.

+ Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KT - XH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị:

. Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề KT - XH tại địa phương.

. Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển KT - XH của cộng đồng thông qua mô hình Câu lạc bộ "thủ lĩnh của sự thay đổi".

. Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện BĐG trong thực hiện Chương trình.

. Nâng cao năng lực của phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

+ Trang bị kiến thức về BĐG, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị; Trưởng ban nhân dân ấp, khóm; chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng:

. Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện BĐG.

. Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới.

. Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp.

. Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực.

- Phân công thực hiện:

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Trà Vinh, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn tổ

chức thực hiện Dự án; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

+ Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh hướng dẫn định mức chi, nội dung thanh, quyết toán nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Dự án 8.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Dự án 8: 36.295 triệu đồng (Ngân sách Trung ương - vốn sự nghiệp).

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù (Tỉnh không có đối tượng thực hiện).

9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS. Năm 2025, phấn đấu trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS; đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS.

- Đối tượng: Nhóm vị thành niên, thanh niên là người DTTS; các bậc cha mẹ và học sinh các trường PTDTNT; nhóm phụ nữ và nam giới người DTTS tảo hôn, kết hôn cận huyết thống; lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào DTTS; người có uy tín trong cộng đồng các DTTS.

- Nội dung:

+ Công tác truyền thông: Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình. Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS. Tổ chức các hội thi tìm hiểu pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Duy trì và triển khai mô hình tại xã, huyện, trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

+ Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án.

+ Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan xác định đối tượng, địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án 2 theo định kỳ, đột xuất.

+ Sở Y tế triển khai hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống thuộc Tiểu dự án 2;

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 6.433 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 5.468 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương: 965 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2030

(1). Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

- Mục tiêu: Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

- Đối tượng: Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín vùng trong đồng bào DTTS; các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế của đất nước.

- Nội dung:

+ Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

+ Triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS.

+ Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến.

+ Định kỳ tổ chức (2 năm/lần đối với cấp huyện và cấp tỉnh) các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến (Trưởng ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín, cán bộ cốt cán; nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS và các đối tượng khác) trong vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm, gặp mặt, tọa đàm, tặng quà, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội theo khu vực, vùng miền.

+ Xây dựng, triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 01; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung 01 theo định kỳ, đột xuất.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện nội dung 01: 7.791 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 6.668 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 1.123 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

(2). Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS.

- Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân.

- Đối tượng: Người dân ở vùng đồng bào DTTS; cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cán bộ,

công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS; lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, ấp; Trưởng ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS; doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng ĐBKK.

- Nội dung:

+ Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền gồm các hoạt động: Tổ chức tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi (bằng các hình thức phù hợp), nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng nghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS; xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù (bằng tiếng phổ thông và tiếng DTTS), tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng; biên soạn, phát hành tài liệu (tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm, tài liệu khác) bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ chữ phổ thông và chữ DTTS.

+ Thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào DTTS, vùng ĐBKK theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào DTTS, vùng ĐBKK.

+ Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng đồng bào DTTS tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung số 02; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

+ Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan triển khai hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung thông tin đối ngoại vùng đồng bào DTTS.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện nội dung 02: 10.947 triệu đồng (Ngân sách Trung ương - vốn sự nghiệp).

(3). Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS.

- Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào DTTS, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

- Đối tượng: Trưởng Ban nhân dân ấp, khóm, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào DTTS; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

- Nội dung:

+ Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng dân tộc DTTS.

+ Xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS phủ sóng toàn tỉnh vùng đồng bào DTTS.

+ Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS.

+ Cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

- Phân công thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện nội dung 03; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

- Nhu cầu vốn và dự kiến nguồn vốn để thực hiện nội dung 03: 984,6 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 666 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

+ Ngân sách địa phương 318,6 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS

- Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT - XH cho vùng đồng bào DTTS, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến địa phương; cơ quan chủ trì quản lý Chương trình ở cấp tỉnh và các cơ quan Thường trực Chương trình ở địa phương; các xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS.

- Nội dung:

+ Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo tỉnh và các bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển KT - XH và đảm bảo an ninh trật tự.

+ Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 (trừ nội dung giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì); tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất về Ban Dân tộc tỉnh.

+ Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung "Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS".

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 2: 2.591 triệu đồng (Ngân sách địa phương - vốn sự nghiệp).

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

- Nội dung:

+ Triển khai Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động).

+ Triển khai phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình.

+ Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

+ Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp.

+ Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình các cấp tại địa phương.

- Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 3.

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Tiểu dự án 3: 3.483 triệu đồng (Ngân sách Trung ương - vốn sự nghiệp).

(Không bao gồm nội dung kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng bộ chỉ số KPI của Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5).

V. TỔNG MỨC VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến tổng mức vốn để thực hiện Chương trình giai đoạn 2022 - 2025 là 1.465.353,70 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 1.005.128,60 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư: 676.141 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 328.987,60 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: 73.393,60 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư: 37.026 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 36.367,60 triệu đồng.

3. Vốn vay tín dụng chính sách: 271.322,50 triệu đồng.

4. Vốn huy động hợp pháp khác: 115.509 triệu đồng.

VI. GIẢI PHÁP; CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nguyên tắc và giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, ấp khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

- Ưu tiên sử dụng các cấu kiện xây dựng theo mô-đun lắp ghép bảo đảm thi công nhanh, giảm chi phí phục vụ các công trình. Ưu tiên các công trình sử dụng

nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Hài hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lắp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ; quản lý, thực hiện Chương trình

- Ưu tiên bố trí ngân sách Trung ương đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối, công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển KT -XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các xã khu vực III và ấp ĐBKK; đầu tư trường dân tộc nội trú cho các huyện có đông đồng bào DTTS sinh sống nhưng chưa có địa điểm hoặc phải thuê địa điểm hoạt động.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình để thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ sau:

+ Triển khai Đề án thí điểm, chỉ đạo điểm tại một số địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt (khi Trung ương chỉ đạo thực hiện Đề án thí điểm tại tỉnh).

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt dựa trên quy hoạch, kế hoạch, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương; ưu tiên hỗ trợ

cho các hộ DTTS là hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện đăng ký tham gia dự án thông qua nhóm hộ, cộng đồng. Nguồn vốn thực hiện dự án từ ngân sách Nhà nước, vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc các tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định thực hiện việc cho vay ưu đãi, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, nguồn vốn đối ứng của hộ gia đình.

- Thực hiện cơ chế đặc thù trong tổ chức quản lý, thực hiện Chương trình phù hợp với vùng đồng bào DTTS.

- Thực hiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình.

- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi trong thực hiện Chương trình.

4. Về hoàn thiện bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình:

Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, cụ thể:

- Cấp tỉnh: Kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo quy định.

- Cấp huyện: Kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo chung cho cả 03 Chương trình theo quy định. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp huyện.

- Cấp xã: Thành lập Ban quản lý để tổ chức thực hiện Chương trình.

5. Về công tác tuyên truyền: Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là người nghèo DTTS.

6. Về khoa học, kỹ thuật và công nghệ: Tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; triển khai cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

7. Về mở rộng hợp tác quốc tế: Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ trong quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, đồng thời tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực để thực hiện thành công mục tiêu của Chương trình.

VII. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh:

1.1. Ban Dân tộc tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan triển khai thực hiện và hướng dẫn thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; đồng thời, tổ chức sơ kết,

tổng kết, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ vốn chi tiết trung hạn và hàng năm để thực hiện Kế hoạch này.

- Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung, hoạt động đầu tư, hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lắp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện Kế hoạch này.

- Tổng hợp nhu cầu vốn đối ứng của địa phương, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Kế hoạch này và kế hoạch hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

1.3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan căn cứ khả năng ngân sách Nhà nước hàng năm, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền cân đối, đề xuất bố trí kinh phí phù hợp để thực hiện Kế hoạch này theo quy định. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng kinh phí trong tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh triển khai thực hiện quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

1.4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Trà Vinh: Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan triển khai hướng dẫn quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.5. Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch giai đoạn 05 năm, hàng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công tại Mục IV Kế hoạch này; lồng ghép thực hiện Kế hoạch này với các chương trình, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

- Hướng dẫn triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung được phân công chủ trì thuộc lĩnh vực của ngành.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung được phân công chủ trì theo quy định; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung được giao gửi Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

1.6. Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch này.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương chủ động xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm để triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp huyện theo quy định.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Tham gia tổ chức thực hiện và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này./.